

DI SẢN VĂN HÓA, NHÂN TỐ QUAN TRỌNG TRONG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

NGUYỄN QUỐC HÙNG

Tóm tắt

Trên thế giới, di sản văn hóa đang được xem như một cột trụ của sự phát triển bền vững. Ở nước ta di sản văn hóa không chỉ góp phần nêu cao các giá trị văn hóa truyền thống, giới thiệu vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước, trao truyền các kinh nghiệm sống, cách ứng xử với thiên nhiên, xã hội một cách hài hòa tới mọi người ở trong và ngoài nước, thể hiện sự đa dạng trong biểu đạt văn hóa; di sản văn hóa còn là một nguồn lực trong sự phát triển bền vững của đất nước, trở thành các điểm đến du lịch, tạo công ăn việc làm cho một bộ phận dân cư, góp phần ổn định xã hội, bảo vệ thiên nhiên, tạo ra sự công bằng trong cộng đồng. Di sản văn hóa góp phần điều chỉnh quá trình phát triển các ngành kinh tế, quy hoạch đô thị, công nghiệp... theo hướng bền vững. Tuy nhiên trong quá trình phát triển, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa hiện nay, di sản văn hóa vốn rất dễ bị tổn thương, biến dạng, đã và đang chịu các tác động tiêu cực rất lớn. Vì vậy, cần có những nhận thức, biện pháp thích hợp để bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa nhằm góp phần tích cực hơn nữa vào sự phát triển bền vững của đất nước.

Từ khóa: Di sản văn hóa, phát triển bền vững

Abstract

In the world, cultural heritage is being considered as a pillar of sustainable development. In our country, cultural heritage not only contributes to uphold the traditional cultural values, introduces the the country's natural beauty, transmits life experiences and the ways of dealing with nature and society to national and international people, demonstrates the diversity in cultural expression; it is also a resource in the sustainable development of the country which becomes tourist destinations, creates jobs for a part of the population, contributes to social stability and natural protection, creates fairness in the community. Cultural heritage contributes to adjust the process of developing economic sectors, urban and industrial planning... in a sustainable way. However, in the process of development, industrialization, modernization and urbanization today, cultural heritage which is very vulnerable and deformed, has been being suffered from huge negative impacts that require recognition, proper methods to preserve and promote cultural heritage values in order to contribute more positively to the sustainable development of the country.

Keywords: Cultural heritage, sustainable development

1. Đặt vấn đề

Khoảng nửa sau thập niên 80 của thế kỷ XX, khái niệm phát triển bền vững đã được nêu ra. Các tổ chức quốc tế và các quốc gia xác định ba cột trụ chính của phát triển bền vững khi ấy là: phát triển kinh tế, công bằng xã hội và cân bằng môi trường. Ba cột trụ đó đã được coi là mẫu hình cho phát triển bền vững từ các địa phương, quốc gia đến toàn cầu. Trong *Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ của Liên hợp quốc giai đoạn 2000 - 2015*, vai trò

của văn hóa và di sản văn hóa trong phát triển bền vững còn khá mờ nhạt. Tuy nhiên, ngày nay, trên thực tế, nhân loại không chỉ phải đối mặt với những thách thức về kinh tế, xã hội và môi trường mà còn nhiều thách thức trong sự sáng tạo, nhận thức, sự đa dạng, thẩm mỹ, gìn giữ các giá trị văn hóa, bảo vệ di sản văn hóa...

Kể từ đầu thế kỷ XXI, các nhà hoạt động văn hóa và Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) đã chứng minh và đề xuất cần phải xem văn hóa là cột trụ thứ

tư của phát triển bền vững. Mọi người đều nhận thức rằng không thể phát triển bền vững mà không tính đến vai trò của văn hóa. Văn hóa chính là cầu nối vững chắc gắn kết ba cột trụ trên của phát triển và tương hỗ với các cột trụ đó. Sự liên kết giữa văn hóa và phát triển bền vững là sự thích hợp cao độ trong một xã hội hiện đại, ở đó mọi vật đều có thể thay đổi. Văn hóa xây dựng những cầu nối giữa các nhóm lợi ích khác nhau và đóng góp cho sự phát triển xã hội, sự đồng nhất, thống nhất và cùng tồn tại, văn hóa thắt chặt thể giới với nhau. Trong bối cảnh đó, vai trò của văn hóa nói chung, di sản văn hóa và thiên nhiên nói riêng ngày càng được thừa nhận và đề cao trong sự phát triển bền vững. Trong *Mục tiêu phát triển bền vững đến 2030 (SDG)* của Liên hợp quốc, đề xuất vào tháng 9/2015 (kế thừa *Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ đã hết hạn vào năm 2015*), có nhiều mục tiêu liên quan trực tiếp đến văn hóa như giáo dục chất lượng, thành phố và cộng đồng bền vững, an ninh lương thực, môi trường, phát triển kinh tế, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm hợp lý, các xã hội cùng tồn tại hòa bình.

2. Vai trò của di sản văn hóa trong phát triển bền vững

Trong quá trình thay đổi nhận thức về vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững, vị trí quan trọng của di sản văn hóa trong phát triển bền vững cũng đã được các nhà hoạt động văn hóa, di sản văn hóa, UNESCO và Ủy ban quốc tế về di tích và di chỉ (ICOMOS) đề cao với tư cách là cột trụ của phát triển bền vững. Di sản văn hóa được đánh giá là có khả năng dẫn đường cho một số mục tiêu phát triển bền vững, ví dụ như mục tiêu 11. *Các thành phố và cộng đồng bền vững*, mục tiêu này phấn đấu cho các thành phố và khu vực sinh sống của con người trở nên toàn diện, an toàn, linh động và bền vững, là mục tiêu nhấn mạnh vai trò của di sản văn hóa (ở nước ta có các khu phố cổ Hội An, Hà Nội, khu thành nội Huế, làng cổ Đường Lâm, Phước Tích...). Các đô thị và nơi cư trú lịch sử trở thành hình mẫu cho sự phát triển xây dựng đô thị trong quá trình đô thị hóa nhanh chóng hiện nay. Các nhà quản lý đô thị ngày nay, khi thực hiện quy hoạch đô thị hoặc nơi cư trú, cần học tập thái độ ứng xử với môi trường, quản lý quy mô dân số, mật độ

dân số trong đô thị, xây dựng sự đoàn kết, gắn bó, cùng tồn tại và bình đẳng của con người trong các thành phố và nơi cư trú lịch sử đã trở thành di sản văn hóa.

Di sản văn hóa và thiên nhiên có tiềm năng lớn trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội và môi trường.

Vai trò của di sản văn hóa ngày càng lớn trong phát triển bền vững vì bản thân nội dung khái niệm di sản văn hóa giờ đây đã thay đổi rất nhiều so với lúc ban đầu, từ chỗ ám chỉ những di tích, di vật riêng lẻ, nay đã mở rộng ra các cảnh quan văn hóa, các thành phố lịch sử, các tài sản văn hóa theo chuỗi... và còn hàm chứa các di sản văn hóa và thiên nhiên, di sản văn hóa vật thể và di sản văn hóa phi vật thể. Ở nước ta, *Luật Di sản văn hóa* đã quy định di sản văn hóa bao gồm di sản văn hóa phi vật thể và di sản văn hóa vật thể (6).

Di sản văn hóa ở nước ta nhiều về số lượng, phong phú về loại hình, đa dạng về hình thức thể hiện và sự biểu đạt. Tính đến tháng 11 năm 2018, cả nước đã có 95 di tích được Thủ tướng Chính phủ quyết định xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt, 142 bảo vật quốc gia, 3.463 di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh được xếp hạng di tích cấp quốc gia, gần 10.000 di tích xếp hạng cấp tỉnh, hơn bốn vạn di tích và 61.669 di sản văn hóa phi vật thể trên cả nước được kiểm kê, 249 di sản văn hóa phi vật thể được ghi vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể quốc gia. Trong số đó có 8 di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới (Quần thể di tích kiến trúc cổ đô Huế, vịnh Hạ Long, khu phố cổ Hội An, khu di tích Chăm Mỹ Sơn, vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, khu di tích trung tâm Hoàng Thành Thăng Long, thành Nhà Hồ, quần thể danh thắng Tràng An); 11 di sản văn hóa phi vật thể được ghi vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại (Nhã nhạc cung đình Huế, không gian văn hóa cồng chiêng Tây Nguyên, dân ca Quan họ Bắc Ninh, tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương, hội Gióng ở đền Phù Đổng và đền Sóc, Đờn ca tài tử Nam bộ, Ví dặm Nghệ Tĩnh, nghi lễ và trò chơi Kéo co (chung với Campuchia, Hàn Quốc, Philippin), thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt, hát Xoan Phú Thọ, Bài chòi Trung Bộ); và 1 di sản văn hóa phi vật thể được ghi

vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp của UNESCO (Ca Trù); 3 di sản tư liệu được ghi vào trong Chương trình Ký ức thế giới là: Mộc bản triều Nguyễn, 82 bia Văn miếu - Quốc tử giám Hà Nội, Châu bản triều Nguyễn; 4 di sản được ghi vào Chương trình Ký ức thế giới khu vực châu Á - Thái Bình Dương là: Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm (Bắc Giang), thơ văn trên kiến trúc cung đình Huế, mộc bản trường học Phúc Giang (Hà Tĩnh), Hoàng Hoa sứ trình đồ (Hà Tĩnh)...

Di sản văn hóa ở nước ta đã và đang đóng vai trò quan trọng trong phát triển bền vững của đất nước, góp phần phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống của cư dân, tạo lập sự công bằng xã hội, bảo vệ môi trường thiên nhiên và xã hội trong khu vực di sản và vùng phụ cận. Thực tế những năm qua cho thấy di sản văn hóa luôn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, trong giáo dục truyền thống yêu nước, nâng cao lòng tự hào về quê hương đất nước, biểu dương các tấm gương vì nước, vì dân của các bậc tiền nhân. Tiềm năng kinh tế của di sản văn hóa ngày càng được phát huy mạnh mẽ, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước và trở thành một bộ phận của các ngành công nghiệp sáng tạo/công nghiệp văn hóa (4), đồng thời là một nhân tố quan trọng trong việc phát huy sức mạnh mềm của đất nước (5). Nhiều di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh đã trở thành các địa chỉ, sản phẩm du lịch văn hóa nổi tiếng, hàng trăm làng nghề thủ công truyền thống, các loại hình nghệ thuật trình diễn đã và đang góp phần đáng kể vào sự phát triển chung của đất nước. Trong tương lai, di sản văn hóa sẽ còn đóng vai trò quan trọng hơn nữa trong sự phát triển kinh tế của đất nước nếu như các tiềm năng thế mạnh của các loại hình công nghiệp văn hóa trong lĩnh vực di sản văn hóa được quản lý, khai thác phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Đối với di sản văn hóa vật thể, song song với quá trình bảo tồn các di tích kiến trúc nghệ thuật do người xưa sáng tạo, gìn giữ, trao truyền, hiện nay chúng ta vẫn tiếp tục bảo tồn và phát huy giá trị phục vụ các hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng và tham quan du lịch văn hóa (du lịch tâm linh đối với các di tích kiến trúc là

công trình tôn giáo tín ngưỡng như đình chùa, đền miếu, phủ...). Trong quá trình xã hội hóa hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa, ngày càng có nhiều hoạt động mang tính sáng tạo trong tu bổ, tôn tạo di tích kiến trúc nghệ thuật. Đồng thời với việc bảo tồn các yếu tố gốc cấu thành di tích, nhiều công trình kiến trúc được phục dựng, xây mới; tổ chức nhà trưng bày, bảo tàng tại di tích. Cơ sở hạ tầng (hệ thống đường sá được nâng cấp, sông ngòi luồng lạch được khơi thông, hệ thống cáp treo, chiếu sáng tại di tích được xây mới, nâng cấp). Cơ sở dịch vụ du lịch tại các di tích cũng đã được đầu tư nâng cấp, phương tiện giao thông ngày càng hiện đại, dẫn đáp ứng nhu cầu tham quan du lịch của du khách trong và ngoài nước. Nhiều điểm du lịch văn hóa được mở ra xung quanh các khu di sản văn hóa truyền thống, tiêu biểu, ở các di sản văn hóa và thiên nhiên được ghi vào Danh mục di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới của UNESCO như: Quần thể di tích kiến trúc cổ đô Huế, vịnh Hạ Long, khu phố cổ Hội An, vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, quần thể danh thắng Tràng An. Trong các khu vực bảo vệ của các di sản này đã hình thành nhiều điểm du lịch; ở các khu vực phụ cận còn có các tuyến du lịch làng nghề, du lịch làng vườn, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch biển... vừa tạo ra các sản phẩm du lịch văn hóa mới, vừa góp phần giảm tải cho các khu vực vùng lõi của di sản. Nhiều di sản văn hóa và thiên nhiên đã trở thành các trọng điểm du lịch của địa phương và cả nước như vịnh Hạ Long, quần thể di tích kiến trúc cổ đô Huế, khu phố cổ Hội An, vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, khu danh thắng Tràng An, thắng cảnh Hương Sơn, thắng cảnh Yên Tử, núi Sam, núi Bà Đen, vịnh Nha Trang...

Nhiều sưu tập cổ vật mới hình thành, bên cạnh hệ thống bảo tàng công lập, ngày càng xuất hiện nhiều bảo tàng tư nhân. Hệ thống các bảo tàng đã có nhiều hình thức hoạt động tiếp thị, bên cạnh việc bán vé tham quan còn xúc tiến bán các sản phẩm giới thiệu về bảo tàng và hiện vật bảo tàng, đồ lưu niệm cùng một số dịch vụ liên quan khác.

Đối với di sản văn hóa phi vật thể, sự phát triển kinh tế đất nước, mở rộng xuất khẩu các mặt hàng truyền thống, phát triển du lịch văn

hóa tại các di sản văn hóa và thiên nhiên, các làng nghề đã được phục hồi, nhiều nghề thủ công truyền thống hồi sinh. Nhiều làng nghề thủ công truyền thống đã trở thành điểm đến du lịch hấp dẫn thường xuyên như các làng nghề chuyên làm đồ gốm, chế tác vàng, bạc, sơn mài, đồ gỗ, đồ đồng, đồ vải, thêu thùa... Các làng nghề truyền thống vừa phục hồi sản xuất mẫu mã truyền thống, vừa sáng tạo mẫu mã mới, áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ vào sản xuất, tạo ra các sản phẩm phục vụ đời sống, sinh hoạt ở trong nước và xuất khẩu ra nước ngoài. Theo số liệu của Hội nghị Liên hợp quốc về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), năm 2008, Việt Nam là một quốc gia đang phát triển xuất khẩu đồ thủ công mỹ nghệ lớn trên thế giới, riêng năm 2008 đạt doanh số 349 triệu USD, chiếm 1,08 % thị phần ngành thủ công mỹ nghệ trên thế giới, tốc độ tăng trưởng trung bình hàng năm (giai đoạn 2003 - 2008) là 18,9 % (3).

Trong thời gian qua, nghệ thuật trình diễn truyền thống được duy trì, phục hồi và phát triển. Không ít môn nghệ thuật truyền thống trong quá trình bảo tồn các bài bản gốc vẫn có những sáng tạo mới phù hợp với nhịp điệu của cuộc sống hiện đại và nhu cầu đa dạng hiện nay. Không chỉ phục vụ du khách ở trong nước, nhiều đoàn nghệ thuật truyền thống của Việt Nam đã ra nước ngoài biểu diễn. Những chuyến lưu diễn ở nước ngoài không chỉ góp phần quảng bá hình ảnh các di sản văn hóa đa dạng của Việt Nam mà còn là một hình thức quảng bá cho thương hiệu của một ngành công nghiệp văn hóa, quảng bá cho văn hóa nước nhà và góp phần củng cố nguồn sức mạnh mềm của nước ta.

Những hoạt động trên đây của ngành di sản văn hóa đã góp phần vào các mục tiêu phát triển bền vững. Di sản văn hóa đã tạo ra nhiều công ăn việc làm cho cộng đồng địa phương và các ngành nghề dịch vụ du lịch, góp phần xóa đói giảm nghèo, ổn định xã hội. Sự phát triển của các ngành công nghiệp trong lĩnh vực di sản văn hóa đã đóng góp vào sự phát triển kinh tế đất nước, phát triển du lịch văn hóa, góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng du lịch nước nhà. Năm 2017, ngành du lịch đã đóng góp 7,5% GDP của cả nước, trong đó du

lịch di sản văn hóa chiếm một tỷ trọng đáng kể (11). Trong xu thế phát triển hiện nay, sự đóng góp của du lịch còn tăng trưởng hơn nữa, đúng như mục tiêu đã đề ra của Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Bộ Chính trị nhằm phát triển du lịch nước ta thành ngành kinh tế mũi nhọn:

- Đến năm 2020, ngành Du lịch cơ bản trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; có tính chuyên nghiệp, có hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối đồng bộ, hiện đại; sản phẩm du lịch có chất lượng cao, đa dạng, có thương hiệu, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc, cạnh tranh được với các nước trong khu vực. Thu hút được 17 - 20 triệu lượt khách du lịch quốc tế, 82 triệu lượt khách du lịch nội địa; đóng góp trên 10% GDP, tổng thu từ khách du lịch đạt 35 tỷ USD; giá trị xuất khẩu thông qua du lịch đạt 20 tỷ USD; tạo ra 4 triệu việc làm, trong đó có 1,6 triệu việc làm trực tiếp.

- Phấn đấu đến năm 2030, du lịch thực sự là ngành kinh tế mũi nhọn, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác. Việt Nam thuộc nhóm các nước có ngành Du lịch phát triển hàng đầu khu vực Đông Nam Á." (1).

Di sản văn hóa ở nước ta không chỉ có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển kinh tế mà còn góp phần không nhỏ vào quá trình tạo dựng công bằng xã hội. Thông qua quá trình tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao mức sống cho các thành phần dân cư trong cộng đồng, tạo sự gắn kết, thu hẹp sự bất đồng mang lại những lợi ích thiết thực cho các thành viên cộng đồng.

Di sản văn hóa là nơi lưu giữ các kiến thức về thiên nhiên, văn hóa, khoa học và giáo dục của cộng đồng. Một di sản văn hóa được bảo tồn tốt có thể góp phần trực tiếp vào xóa đói, giảm nghèo và bất công bằng việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ cơ bản, bảo đảm an ninh, y tế, không khí trong lành, nước sạch, lương thực cùng các nguồn lực cơ bản khác cho các thành viên trong cộng đồng. Khi người dân hiểu biết về di sản văn hóa và tích cực tham gia bảo tồn sự đa dạng của di sản văn hóa và thiên nhiên, mọi người được phân chia lợi ích một cách bình đẳng trong quá trình sử dụng di sản, sẽ góp phần nâng cao tình cảm với di sản

và những công trình liên quan. Họ sẽ tôn trọng lẫn nhau, hướng tới mục đích cùng nhau gìn giữ tài sản chung. Qua đó, di sản văn hóa góp phần gắn kết xã hội của cộng đồng.

Về giáo dục, khả năng tiếp cận, hưởng thụ và chăm sóc đối với một di sản rất cần thiết cho sự phát triển của con người, nhất là đối với thế hệ trẻ.

Cư dân sống trong các di sản văn hóa bao gồm: người dân ở các khu phố cổ, vườn quốc gia, danh lam thắng cảnh, làng cổ; những người trong cùng một làng nghề thủ công truyền thống, những người cùng nắm giữ và thực hiện các nghệ thuật trình diễn, những người cùng tham gia vào các hoạt động lễ hội... Việc cùng chung sống trong một di sản văn hóa, cùng chịu sự điều chỉnh của các quy định và hệ thống tổ chức quản lý di sản văn hóa, cùng gìn giữ di sản, khai thác những tiềm năng kinh tế do di sản văn hóa đem lại đã làm cho họ có những sự đồng cảm, tăng thêm sự gắn kết xã hội, đoàn kết cùng tồn tại và tạo nên sự bình đẳng giữa những con người cùng sống và gắn bó với di sản văn hóa.

Trong quá trình tham gia lễ hội dân gian truyền thống, con người trong cộng đồng cùng nhau sáng tạo, trao truyền, hưởng thụ các giá trị văn hóa. Di sản văn hóa mang lại hạnh phúc tinh thần cho người dân thông qua biểu tượng quyền lực từ các vị thần được thờ và các giá trị thẩm mỹ ở di sản (đình, đền chùa miếu, nhà thờ...). Tham gia các hoạt động lễ hội (nghỉ lễ, trò chơi, trò diễn...), mối quan hệ của những con người trong cộng đồng trở nên bền chặt hơn. Tính thiêng của lễ hội dân gian, sự gia nhập vào các hoạt động lễ hội của mỗi thành viên trong làng xã đã đem lại sự cân bằng trong tâm linh, tạo nên niềm an ủi cho các thành viên trong cộng đồng, xua đi những nhọc nhằn của cuộc sống thường ngày, tạo nên sợi dây đồng cảm gắn kết họ với nhau.

Nghệ thuật trình diễn không chỉ tạo nên sự đa dạng của biểu đạt văn hóa mà còn đem đến cho mọi người sự cộng cảm trong quá trình tham gia luyện tập, trình diễn. Các thành viên tham gia hoạt động nghệ thuật trình diễn, trao đổi, giúp đỡ lẫn nhau trau dồi nghệ thuật, chia sẻ niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống thường ngày, tạo nên sự gắn bó, đoàn kết. Sự chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau của những người trong cùng

một hiệp thợ, cùng một tổ nghề để giữ nghề, truyền nghề, cùng sự tồn tại của các làng nghề truyền thống suốt mấy trăm năm qua đã cho thấy sự bền bỉ dẻo dai trong quá trình học tập, truyền dạy nghề trước sự thăng trầm của lịch sử, xã hội trước kia và những biến động của thị trường, sự phát triển của khoa học công nghệ, sự tràn ngập của hàng ngoại trong những năm gần đây. Quá trình phấn đấu để tồn tại, phát triển, thích ứng với những hoàn cảnh lịch sử, xã hội, kinh tế cụ thể của đất nước trong từng giai đoạn lịch sử đã gắn bó những người trong cùng một làng nghề với nhau, tạo nên sắc thái riêng của mỗi làng nghề thủ công truyền thống.

Di sản đô thị, nơi cư trú lịch sử (khu phố cổ, làng cổ) thể hiện sự gắn kết giữa con người sống trong di sản, mọi người cùng tồn tại, cùng hưởng lợi từ di sản, tạo nên sự đoàn kết, bình đẳng giữa con người sống trong di sản văn hóa với nhau.

Di sản văn hóa đóng vai trò quan trọng trong gìn giữ sắc thái văn hóa riêng của vùng, miền, địa phương tạo nên sự đa dạng trong biểu đạt văn hóa của đất nước, qua đó góp phần bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc.

Những nội dung trên cho thấy chức năng xã hội của di sản văn hóa rất quan trọng trong việc tạo công ăn việc làm, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện chất lượng cuộc sống, tăng phúc lợi xã hội, tạo sự bình ổn trong xã hội, duy trì lối sống tập thể, ứng xử phù hợp trước những biến động của cuộc sống trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa, toàn cầu hóa hiện nay.

Đối với mục tiêu bảo vệ môi trường, các di sản văn hóa và thiên nhiên ở nước ta đã được bảo vệ bằng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật khá chặt chẽ gồm luật, nghị định, thông tư và các quy chế bảo vệ di tích. Mỗi di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh được xếp hạng cấp tỉnh, cấp quốc gia và cấp quốc gia đặc biệt cũng như di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới đều có các khu vực bảo vệ di tích. Quy định của *Luật Di sản văn hóa* đã hạn chế được rất nhiều tác động tiêu cực đến môi trường của các di sản văn hóa và thiên nhiên, nhiều dự án phát triển không phù hợp đã phải đình chỉ hoặc điều chỉnh cho phù hợp

với yêu cầu bảo vệ di sản văn hóa. Số liệu hơn một vạn di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh được xếp hạng di tích các cấp trên toàn quốc đã cho thấy quy mô diện tích của các khu vực bảo vệ di tích ở nước ta không hề nhỏ. Trong số các di sản văn hóa và thiên nhiên đó, không ít di sản có các khu vực bảo vệ rộng lớn như các vườn quốc gia (Phong Nha - Kẻ Bàng, Cát Tiên, Ba Bể), vịnh biển (Hạ Long, Lăng Cô, Nha Trang, Vân Phong), thắng cảnh (Tràng An, Hương Sơn, Yên Tử), đô thị cổ (quần thể di tích kiến trúc Huế, khu phố cổ Hội An, khu phố cổ Hà Nội), thành cổ (thành Nhà Hồ, khu trung tâm Hoàng thành Thăng Long - Hà Nội, thành Sơn Tây...), làng cổ, thác nước, hang động, bãi chiến trường, địa đạo... Như vậy, bản thân di sản văn hóa và thiên nhiên về mặt lý thuyết đã được bảo đảm sự cân bằng về môi trường. Sự tồn tại của các di sản văn hóa và thiên nhiên còn góp phần điều chỉnh các dự án phát triển liên quan đến di sản văn hóa theo hướng bền vững.

Các di sản văn hóa phi vật thể như các nghi thức tôn thờ, tập tục cúng rùng, cúng thần núi, thần sông, suối, cây cổ thụ, những luật tục về khai thác lâm, thổ sản của đồng bào các dân tộc thiểu số vùng sơn cước không chỉ phản ánh tín ngưỡng của con người đối với thiên nhiên mà còn góp phần bảo vệ môi trường sống của con người một cách bền vững, làm cho mối quan hệ giữa con người và thiên nhiên càng thêm gắn bó. Cách ứng xử của người xưa đối với môi trường thiên nhiên, ổn định xã hội thông qua quy hoạch đô thị, quy hoạch làng, xóm, luật tục (hương ước), kiêng kỵ... ở các di sản văn hóa và thiên nhiên là những bài học kinh nghiệm quý báu cho việc phát triển bền vững hiện nay.

Bảo tồn tài nguyên thiên nhiên chính là đóng góp cơ bản cho môi trường bền vững. Hầu hết các di sản văn hóa và thiên nhiên ở nước ta đều thể hiện sự gắn bó giữa con người và môi trường. Thực tế cho thấy sự đa dạng sinh học và văn hóa tác động lẫn nhau trong quá trình cùng tiến hóa, điều này thể hiện rõ ở các vườn quốc gia, cảnh quan văn hóa, nơi cư trú cổ (làng quê), vũng, vịnh, biển đảo. Các hoạt động kết hợp giữa trách nhiệm quản lý di sản văn hóa và thiên nhiên, hình mẫu bền

vững của việc sử dụng đất, nước, tài nguyên thiên nhiên, tiêu thụ sản phẩm được gìn giữ và phát triển qua nhiều thế kỷ, hướng đến sự cân bằng giữa cộng đồng và môi trường, gìn giữ tài nguyên thiên nhiên cho các thế hệ tương lai được thể hiện khá rõ nét tại những nơi cư trú cổ.

Bài học về phát triển kinh tế, bảo đảm bình đẳng xã hội, bảo vệ môi trường từ các di sản văn hóa nêu trên là những gợi ý tích cực cho các mục tiêu phát triển bền vững, cần được bảo tồn và phát huy hiệu quả, phù hợp trong quá trình xây dựng, phát triển hiện nay.

3. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa vì mục tiêu phát triển bền vững

Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và toàn cầu hóa hiện nay, muốn giữ vững vai trò quan trọng của di sản văn hóa và thiên nhiên trong phát triển bền vững cần phải bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa theo hướng bền vững. Trước hết, cần bảo vệ để di tích không bị vi phạm, lấn chiếm các khu vực bảo vệ, không gây ô nhiễm, phá hoại, săn bắt trái phép các sản vật tại các di sản thiên nhiên. Phát triển du lịch văn hóa, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp theo hướng du lịch có trách nhiệm, du lịch bền vững, tránh sự quá tải đối với di sản văn hóa và thiên nhiên. Các quy hoạch phát triển cần tôn trọng việc bảo vệ di sản văn hóa.

Việc bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa luôn phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định bảo vệ, bảo tồn các yếu tố gốc cấu thành di tích, tính xác thực và sự toàn vẹn của di sản văn hóa vật thể. Không được làm sai lệch các giá trị cốt lõi của di sản văn hóa phi vật thể trong quá trình khai thác giá trị của các di sản văn hóa nhằm mục đích phát triển kinh tế. Cụ thể là đối với các di tích kiến trúc nghệ thuật, cần bảo vệ các yếu tố như địa điểm và cảnh quan, chất liệu, thiết kế, hình dáng, kích thước màu sắc, chức năng và tác dụng, truyền thống và kỹ thuật, địa điểm và cảnh quan, tinh thần và tình cảm, các yếu tố bên trong và bên ngoài khác theo *Hướng dẫn thực hiện Công ước bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới* của Trung tâm di sản thế giới (9) và các văn bản quy phạm pháp luật về di sản văn hóa của nước ta. Sự

sáng tạo và ứng dụng công nghệ chỉ được thực hiện khi đáp ứng được các yêu cầu nêu trên. Những công trình tôn tạo hoặc xây dựng mới phải phù hợp cảnh quan và góp phần nâng cao giá trị của kiến trúc nghệ thuật, tạo sức hút đối với công chúng theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đối với các sản phẩm thủ công truyền thống, cần giữ gìn các bí quyết nghề nghiệp, bên cạnh các đề tài, sản phẩm truyền thống, tập trung sáng tạo ra những mẫu sản phẩm mới. Việc ứng dụng các công nghệ mới để chế tạo sản phẩm cần thực hiện ở những công đoạn thích hợp như thiết kế, chế tạo thô; việc hoàn thiện sản phẩm nên thực hiện bằng các phương pháp thủ công truyền thống. Đối với nghệ thuật trình diễn, việc bổ sung các bài bản, hình thức biểu diễn mới để thu hút công chúng là cần thiết, tuy nhiên, cần hết sức lưu ý bảo tồn các yếu tố nghệ thuật truyền thống. Đối với lễ hội truyền thống, cần giữ gìn các giá trị như tính thiêng của lễ hội, qua lễ hội tăng cường sự đoàn kết cộng đồng, biểu dương sức mạnh cộng đồng, thể hiện sự sáng tạo văn hóa và truyền bá văn hóa của cộng đồng, sự hưởng thụ văn hóa của cộng đồng, giữ gìn sắc thái văn hóa riêng của địa phương, vùng miền theo quy định của Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO (10) và pháp luật Việt Nam.

Di sản văn hóa đã và đang là một nhân tố quan trọng của phát triển bền vững. Song song với quá trình bảo vệ di sản văn hóa một cách khoa học, bền vững, còn cần biết phát huy hợp lý các giá trị của di sản văn hóa trong các mục tiêu phát triển bền vững, để di sản văn hóa thực sự là cầu nối gắn kết các mục tiêu phát triển bền vững ở nước ta trong thời gian tới.

N.Q.H

(PGS.TS, Viện VHNTQG Việt Nam)

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Chính trị (2017), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16 tháng 01 năm 2017 về Phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn*.
2. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2010), *Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, số 98/2010/NĐ-CP, ngày 21/09/2010*.

3. Nguyễn Thị Thu Hà (2016), *Hỗ trợ nhà nước cho phát triển các ngành công nghiệp văn hóa và sáng tạo: trường hợp chiến lược Cool Japan, Nhật Bản*, Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, Tạp chí Văn hóa học, số 3 (25), tr. 58-67.

4. Nguyễn Quốc Hùng (2017), *Phát huy giá trị di sản văn hóa trong hệ thống các ngành công nghiệp văn hóa ở Việt Nam*, Tạp chí Di sản văn hóa, số 1 (58), tr.14-20.

5. Nguyễn Quốc Hùng (2018), *Phát huy giá trị di sản văn hóa với vai trò nguồn sức mạnh mềm*, Tạp chí Di sản văn hóa, số 3 (64), tr. 15-21.

6. Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2001), *Luật Di sản văn hóa số 28/2001/QH10, ngày 29/06/2001*.

7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2009), *Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa, số 32/2009/QH12, ngày 18/6/2009*.

8. Trung tâm Di sản thế giới (2017), *Hướng dẫn thực hiện công ước bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới 2017* (Operational Guidelines for the Implementation of the World Heritage Convention 2017).

9. UNESCO (1972), *Công ước bảo vệ di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới* (Convention concerning the Protection of the world Cultural and Natural Heritage).

10. UNESCO (2003), *Công ước bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể* (The Convention for the Safeguarding of Intangible Cultural Heritage).

11. <http://vietnamtourism.gov.vn>

Ngày nhận bài: 21 - 7 - 2018

Ngày phản biện, đánh giá: 15 - 12 - 2018

Ngày chấp nhận đăng: 25 - 12 - 2018